

Bản án số: 09/2019/DS-ST

Ngày: 22/11/2019

V/v “Tranh chấp về bồi thường
thiệt hại ngoài hợp đồng”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TƯ NGHĨA, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Thu Hằng;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hồng Sơn;

2. Ông Huỳnh Cao Trung.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Quốc Hùng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Hồ Thị Tiểu Quỳnh - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 22/2019/TLST-DS ngày 15 tháng 3 năm 2019 về việc “Tranh chấp về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 69/2019/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Đỗ Bá D, sinh năm: 1952 và bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm: 1950.

Cùng trú tại địa chỉ: Thôn T, xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Trịnh Văn H, sinh năm 1994. Theo văn bản ủy quyền ngày 03/4/2019(ông H có mặt).

- Bị đơn: Bà Lê Thị T, sinh năm 1966.

Địa chỉ: Thôn T, xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Đinh Đình T(còn gọi là T), sinh năm 1963. Theo văn bản ủy quyền ngày 02/5/2019(ông T có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn ông Đỗ Bá D và bà Nguyễn Thị Đ ngày 07 tháng 12 năm 2018 và trong quá trình tham gia tố tụng ông Trịnh Văn H - người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 06/3/2018 vợ chồng ông Đỗ Bá D và bà Nguyễn Thị Đ có thuê ông Lê T ở đội 8 thôn T, xã N, huyện T lái xe máy cày đến thửa đất số 714, tờ bản đồ số 11, diện tích 657,2m² do ông D, bà Đ đang quản lý và sử dụng để xới đất trồng ớt. Khi ông T đang xới đất thì bà Lê Thị T ngăn cản không cho ông T xới đất với lý do bà T cho rằng đường đi do nhà bà đổ bê tông nên không cho các loại xe cơ giới ra vào.

Việc bà T ngăn cản không cho ông D và bà Đ xới đất để trồng ớt đã gây thiệt hại cho ông D và bà Đ, cụ thể:

Với diện tích đất 657,2m² ông D, bà Đ trồng được 1.800 cây ớt, bình quân 1 cây ớt một vụ sẽ thu hoạch được 1kg với giá ớt trên thị trường tại thời điểm bà T cản trở là 10.000đồng/kg, với 1.800 cây ớt sẽ thu được số tiền là 1.800 cây x 10.000đồng = 18.000.000đồng, trừ chi phí tiền thuốc, phân bón, cây giống, công chăm sóc là 3000.000đồng thì ông D, bà Đ còn lại số tiền là 15.000.000đồng.

Do hành vi cản trở trái pháp luật của bà T đã gây ra thiệt hại cho vợ chồng ông D không sản xuất được vụ ớt trong tháng 3/2018, dẫn đến vợ chồng ông D, bà Đ bị thiệt hại là 15.000.000đồng.

Vì lý do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà T phải bồi thường thiệt hại cho ông D, bà Đ số tiền là 15.000.000đồng.

Trong quá trình Tòa án giải quyết, nguyên đơn có sự tính toán lại mật độ và xác định trên thửa đất số 714 nguyên đơn sẽ trồng 1.126 cây ớt, bình quân 1 cây ớt một vụ sẽ thu hoạch được 1kg, với giá ớt trên thị trường vào vụ ớt tháng 3/2018 là 10.000đồng/kg, như vậy với 1.126 cây ớt nguyên đơn sẽ thu được số tiền là 1.126 cây x 10.000đồng = 11.260.000đồng, trừ chi phí tiền thuốc, phân bón, cây giống, công chăm sóc là 3.410.000đồng thì nguyên đơn sẽ còn lại số tiền là 7.850.000đồng. Tại phiên tòa, nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án buộc bị đơn bồi thường thiệt hại cho nguyên đơn là 7.850.000đồng.

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là có căn cứ, nguyên đơn đã nộp các tài liệu chứng cứ gồm: 01 bản sao sổ hộ khẩu; 01 bản sao Giấy chứng minh nhân dân; bản phô tô giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; 01 báo cáo số 97/BC-UBND ngày 27/8/2018 của UBND xã N; 01 văn bản số 1819/UBND ngày 8/8/2018 của UBND huyện T; 01 bản phô tô văn bản số 2350/UBND ngày 26/9/2018 của UBND huyện T; 01 biên bản làm việc ngày 06/3/2018 tại thôn T, xã N; 01 biên bản ngày 19/6/2018 tại UBND xã N; 01 biên bản ngày 07/6/2018 tại UBND xã N. 01 biên lai bưu điện. đơn xin xác nhận thiệt hại.

Tại bản trình bày ngày 03/4/2019 và trong quá trình tham gia tố tụng bị đơn bà Lê Thị T trình bày:

Do có mâu thuẫn từ việc ông D và bà Đ không đóng góp tiền để đổ bê tông trên con đường đi chung, bà T đã tự bỏ tiền ra làm bê tông toàn bộ con đường nên ngày 06/3/2018 ông D thuê xe máy cày của ông Lê T đến xới đất để trồng trọt, lúc

ông T đang xới đất của ông D thì bà T cản trở, không cho ông T tiếp tục xới đất và ông T lái xe đi về.

Lý do ngăn cản bà T nêu: khi bà T biết việc này bà T đã đến nhà ông T nói ông T không được chạy xe máy cày qua con đường vì con đường này mới làm sợ xe ông T chạy qua sẽ làm hư hỏng bê tông nhưng ngày 06/3/2019 ông T vẫn lái xe máy cày xuống ruộng xới đất của ông D, bà Đ, do vậy nên khi ông T vừa đến để xới đất của ông D, bà Đ thì bà T cản trở không cho ông T tiếp tục xới đất và buộc ông T phải lái xe về. Bà T chỉ ngăn cản ông T một lần vào ngày 06/3/2019, không có lần nào khác sau hoặc trước đó.

Sự việc đã được Ủy ban nhân dân xã N giải quyết theo đơn yêu cầu của ông D, bà Đ.

Giải quyết lần đầu, ông D cho rằng bà T cản trở ông Thọ xới đất nên ông D không làm được vụ ớt đó và ông D yêu cầu bà T bồi thường 600.000đồng, bà T không đồng ý vì bà T không phá hoại hoa màu của ông D mà chỉ có hành vi cản trở máy cày không cho xới đất.

Giải quyết lần thứ 2, ông D, bà Đ yêu cầu bà T bồi thường số tiền 12.600.000đồng, bà T không đồng ý.

Nay ông D, bà Đ khởi kiện yêu cầu bà T bồi thường thiệt hại cho ông D bà Đ cả một vụ ớt với số tiền là 15.000.000đồng.

Tại phiên tòa, ông D bà Đ yêu cầu bà T bồi thường thiệt hại cho ông D, bà Đ 7.850.000đồng.

Bà T không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông D, bà Đ vì bà T không có hành vi phá hoại hoa màu của ông D, bà Đ. Bà T chỉ có hành vi cản trở máy cày xới đất của ông D, bà Đ một lần vào ngày 06/3/2018 nên bà T không có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho ông D, bà Đ.

Bà T không nộp cho Tòa án tài liệu chứng cứ gì ngoài các bản trình bày.

Tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập gồm có:

Các biên bản làm việc ngày 26/7/2019; ngày 16/7/2019; ngày 09/7/2019; - Báo cáo số: 97/BC-UBND ngày 27/8/2018 của Ủy ban nhân dân xã N; Thông báo số: 3144/TB-UBND ngày 22/10/2018 của Ủy ban nhân dân huyện T; Công văn số: 1895/UBND ngày 14/8/2018 của Ủy ban nhân dân huyện T; Đơn đề nghị ngày 7/8/2018 của ông Đỗ Bá D và bà Nguyễn Thị Đ; Công văn số: 1819/UBND ngày 8/8/2018 của Ủy ban nhân dân huyện T; Đơn xin giải quyết của bà Lê Thị T; Đơn yêu cầu bồi thường ngày 02/5/2018 của ông Đỗ Bá D, bà Nguyễn Thị Đ; Biên bản ghi lời khai ngày 12/3/2018 của Công an xã N; Biên bản sự việc ngày 6/3/2018; Báo cáo số: 03/BC-CAX ngày 26/3/2018 của Công an xã N; Đơn đề nghị của ông Đỗ Bá D, bà Nguyễn Thị Đ ngày 11/6/2018; Đơn báo cáo ngày 6/3/2018 của ông Đỗ Bá D; Đơn xin yêu cầu xem xét của bà Lê Thị T; Biên bản bắt thành ngày 31/5/2018 của Ủy ban nhân dân xã N; Biên bản giải quyết ngày 19/6/2018 của Ủy ban nhân dân xã N; Biên bản giải quyết ngày 07/6/2018 của Ủy ban nhân dân xã N.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tư Nghĩa tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ Điều 585, Điều 586, Điều 588, Điều 589 của Bộ luật Dân sự 2015, Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại thực tế đã xảy ra cho nguyên đơn là 1.126 cây ốt con bị hư hỏng x 1.000đ/cây = 1.126.000đồng. Không chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn đối với yêu cầu còn lại là 6.724.000đồng vì không có căn cứ.

Về Án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử Áp dụng Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016. Buộc bị đơn phải chịu án phí trên số tiền phải bồi thường thiệt hại cho nguyên đơn là 300.000đồng.

Nguyên đơn phải chịu án phí đối với phần yêu cầu không được Tòa án chấp nhận là 6.724.000đồng x 5% = 336.000đồng, nhưng được miễn nộp tiền án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn bà Lê Thị T có nơi cư trú hiện đang cư trú tại thôn T, xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tư Nghĩa được quy định tại Điều 26; Điều 35; Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án được thụ lý và xét xử theo thủ tục thông thường.

[2] Về Quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải bồi thường thiệt hại về hoa màu do hành vi trái pháp luật của bị đơn gây ra được xác định đây là quan hệ dân sự tranh chấp đòi bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Vào ngày 06/3/2018, nguyên đơn là vợ chồng ông Đỗ Bá D và bà Nguyễn Thị Đ có thuê ông Lê T là người có xe máy cày đến thửa đất số 714, tờ bản đồ số 11 tại thôn T, xã N để xới đất trồng ốt. Khi ông T đang xới đất cho nguyên đơn thì bị đơn là bà Lê Thị T ngăn cản không cho ông T xới đất, buộc ông T phải dừng việc xới đất và cho xe máy cày quay về vì bà T cho rằng con đường đi vào thửa đất số 714 của nguyên đơn là do bà T tự bỏ kinh phí ra đắp nên không cho các loại xe cơ giới ra vào.

Nguyên đơn cho rằng việc bị đơn ngăn cản không cho nguyên đơn xới đất để trồng ốt vào ngày 06/3/2018 dẫn đến nguyên đơn phải bỏ hư hỏng toàn bộ 1.126 cây

ớt con đã ươm, không làm được vụ ớt vào tháng 3/2018 nên nguyên đơn bị mất thu nhập trong vụ ớt này.

Vì lý do đó, ngày 07 tháng 12 năm 2018, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bị đơn phải bồi thường thiệt hại cho nguyên đơn là 15.000.000đồng; Trong quá trình Tòa án giải quyết, nguyên đơn tính toán lại nên tại phiên tòa, nguyên đơn thay đổi yêu cầu, yêu cầu bị đơn phải bồi thường thiệt hại là 7.850.000đồng.

[3.2] Về phía bị đơn cũng đã thừa nhận vào ngày 06/3/2018, bị đơn có ngăn cản không cho ông Lê T xới đất cho nguyên đơn, lý do ngăn cản là do trước khi làm bê tông con đường này bị đơn có yêu cầu nguyên đơn đóng góp tiền cùng làm nhưng nguyên đơn không đồng ý, bị đơn phải tự bỏ tiền ra làm bê tông cả con đường nên bị đơn có quyền ngăn cản không cho xe máy cày đi vào đường này vì sợ hư hỏng mặt đường đã bê tông.

[3.3] Tại biên bản giải quyết của Ủy ban nhân dân xã N vào ngày 19/6/2018 đối với đơn yêu cầu của nguyên đơn, Ủy ban nhân dân xã N xác định con đường bị đơn đã làm bê tông là lối đi chung nên việc bị đơn ngăn cản máy cày đến xới đất cho nguyên đơn là việc làm trái pháp luật. Theo kết luận tại Thông báo số: 3144/TB-UBND ngày 22/10/2018 của Ủy ban nhân dân huyện T có nội dung: Việc bà Lê Thị T có hành vi cản trở quyền sử dụng đất hợp pháp của ông D bà Đ là trái với quy định của pháp luật, yêu cầu Ủy ban nhân dân xã N có nhiệm vụ rà soát, kiểm tra trình tự thủ tục cần thiết, bổ sung, xác lập hồ sơ cụ thể, tổ chức họp khu dân cư, đối chiếu các văn bản quy định của pháp luật để giải thích về hành vi vi phạm của bà Lê Thị T để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho công dân.

[3.4] Từ các tình tiết trên, Hội đồng xét xử nhận định:

Xét lý do bị đơn ngăn cản buộc ông T dừng việc xới đất cho nguyên đơn và phải đưa xe về vì ông T cho xe máy cày đi trên đoạn đường bị đơn đã làm bê tông là trái với quy định của pháp luật vì đoạn đường bị đơn bỏ kinh phí ra làm bê tông là lối đi chung của nhiều hộ gia đình, trong đó có nguyên đơn, đoạn đường này thuộc quyền quản lý của chính quyền địa phương nên bị đơn không có quyền ngăn cản các loại xe cơ giới lưu thông.

Việc bị đơn cản trở không cho xe máy cày xới đất cho nguyên đơn vào ngày 06/3/2018 là hành vi cản trở quyền sử dụng đất hợp pháp của nguyên đơn nên được xem là hành vi trái pháp luật, đây là căn cứ phát sinh trách nhiệm bồi thường thiệt hại được quy định tại Điều 585 của Bộ luật dân sự năm 2015, như vậy bị đơn phải có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại cho nguyên đơn.

Tuy nhiên, xét yêu cầu của nguyên đơn căn cứ vào diện tích của thửa đất số 714 là 657,2m², để ước tính với diện tích này thì nguyên đơn sẽ trồng được 1.126 cây ớt, bình quân 1 cây ớt một vụ sẽ thu hoạch được 1kg, với giá ớt trên thị trường vào vụ ớt tháng 3/2018 là 10.000đồng/kg, như vậy với 1.126 cây ớt nguyên đơn sẽ thu được số tiền là 1.126 cây x 10.000đồng = 11.260.000đồng, trừ chi phí tiền thuốc, phân bón, cây giống, công chăm sóc là 3.410.000đồng thì nguyên đơn sẽ còn lại số tiền là 7.850.000đồng, nhưng do bị đơn ngăn cản việc xới đất của nguyên đơn dẫn đến nguyên đơn không sản xuất được vụ ớt, bị thiệt hại 7.850.000đồng. Vì vậy, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải bồi thường thiệt hại cho nguyên đơn.

Xét việc yêu cầu bồi thường thiệt hại của nguyên đơn trong quá trình Tòa án giải quyết không có sự thống nhất về thiệt hại. Trên thực tế, bị đơn chỉ có một lần ngăn cản việc nguyên đơn xới đất vào ngày 06/3/2018, thời gian từ ngày 06/3/2018 cho hết thời gian của một vụ ớt là 04 tháng, nguyên đơn có đủ thời gian, điều kiện để tiếp tục canh tác các loại hoa màu khác trên diện tích đất này nhưng nguyên đơn bỏ đất trống mãi cho đến tháng 7/2018 mới trồng hoa cúc.

Như vậy, việc nguyên đơn bỏ đất trống suốt cả vụ ớt từ tháng 3/2018 đến tháng 7/2018 dẫn đến mất thu nhập không phải lỗi của bị đơn, do đó bị đơn không có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại cả vụ ớt theo yêu cầu của nguyên đơn.

Xét thời điểm nguyên đơn thuê ông T đến xới đất, nguyên đơn đã ươm 1.126 cây ớt con để trồng trên diện tích đất của thửa đất 714, việc bị đơn ngăn cản không cho nguyên đơn xới đất dẫn đến nguyên đơn không trồng được số cây ớt này, bỏ hư hỏng toàn bộ.

Trình bày của nguyên đơn về việc đã ươm 1.126 cây ớt con để sau khi xới đất xong sẽ trồng là phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án.

Trong quá trình giải quyết, Tòa án đã làm việc với các hộ dân cùng trồng ớt tại địa bàn xã Nghĩa Hiệp, xác định giá 01 cây ớt con tại thời điểm tháng 3/2018 là 1.000đ/cây.

Đối với tiền công của ông T xới đất vào ngày 06/3/2018, trên thực tế không phát sinh vì ông T không yêu cầu nguyên đơn phải trả tiền công cho ông T.

Nguyên đơn cũng trình bày ngoài việc chuẩn bị 1.126 cây ớt con để trồng, nguyên đơn chưa chuẩn bị vật liệu gì khác để sản xuất vụ ớt vào tháng 3/2018.

Như vậy, ngoài thiệt hại thực tế đã phát sinh là 1.126 cây ớt tương ứng 1.126.000đồng, nguyên đơn không có tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh có thiệt hại thực tế nào khác phát sinh.

[4] Từ nhận định trên, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 585, Điều 586, Điều 588, Điều 589 của Bộ luật Dân sự 2015;

Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn về việc đòi bị đơn bồi thường thiệt hại đối với phần thiệt hại thực tế đã phát sinh là 1.126 cây ớt con bị hư hỏng x 1.000 đồng/cây = 1.126.000đồng (Một triệu, một trăm hai mươi sáu ngàn đồng).

Không chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn đối với yêu cầu bồi thường 6.724.000đồng (Sáu triệu, bảy trăm hai mươi bốn nghìn đồng) còn lại, vì thiệt hại này trên thực tế không phát sinh, nguyên đơn ước tính để yêu cầu là không có căn cứ.

[5] Về Án phí: Áp dụng Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Bị đơn phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho nguyên đơn 1.126.000đồng, do đó bị đơn phải chịu án phí trên số tiền phải bồi thường thiệt hại cho nguyên đơn là 300.000đồng.

Nguyên đơn phải chịu án phí đối với phần yêu cầu không được Tòa án chấp nhận là 6.724.000đồng x5% = 336.000đồng (làm tròn) nhưng nguyên đơn là người cao tuổi, được miễn nộp tiền án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Ý kiến của Đại diện Viện Kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 584, Điều 585, Điều 588, Điều 589 của Bộ luật Dân sự; khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

- Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu của ông Đỗ Bá D và bà Nguyễn Thị Đ: Buộc bà Lê Thị T có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng cho ông Đỗ Bá D và bà Nguyễn Thị Đ đối với số hoa màu bị hư hỏng là 1.126.000đồng (Một triệu, một trăm hai mươi sáu ngàn đồng).

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu bồi thường thiệt hại của ông Đỗ Bá D và bà Nguyễn Thị Đ đòi bà Lê Thị T bồi thường 6.724.000đồng (Sáu triệu, bảy trăm hai mươi bốn nghìn đồng) còn lại, vì không có căn cứ.

3. Về án phí:

Buộc bà Lê Thị T phải chịu 300.000đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Buộc ông Đỗ Bá D và bà Nguyễn Thị Đ phải chịu 336.000đồng (Ba trăm ba mươi sáu ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với phần yêu cầu không được Tòa án chấp nhận, nhưng ông D và bà Đ là người cao tuổi nên được miễn nộp tiền án phí.

4. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

5. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi để xét xử phúc thẩm.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Tư Nghĩa;
- Chi cục THADS huyện Tư Nghĩa;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Bùi Thị Thu Hằng

